TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST Ngày 15-12-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Minh Phương

Bà Khúc Thị Minh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị P, sinh năm 1990; đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 31/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị P trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn T thời gian năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 06 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2018 đến nay ngày càng trầm trọng do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong

làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi đánh nhau. Mặc dù gia đình hai bên, thôn xóm đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/6/2014 và Nguyễn Minh A1, sinh ngày 28/8/2018, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con. Nhưng do anh T cũng có nguyện vọng nuôi con nên chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quỳnh A (trên cơ sở nguyện vọng của cháu); nhất trí để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh A1 đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi các con tốt.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T trình bày tại bản tự khai ngày 06/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án: Thống nhất với chị P về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2018 do phong cách sống không phù hợp, không thống nhất với nhau trong làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi đánh nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, anh đồng ý ly hôn chị P.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/6/2014 và Nguyễn Minh A1, sinh ngày 28/8/2018, hiện đang do chị P nuôi dưỡng. Anh xin trực tiếp nuôi cháu Quỳnh A và Minh A1 đến khi đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, giữa anh và chị P thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều

35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị P và anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/6/2014 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Nguyễn Minh A1, sinh ngày 28/8/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị P nhận chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị P xin ly hôn anh T và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Anh T đang cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện K; căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, K ngày 17/4/2012. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T được xác định là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh chị đều xác định tình cảm không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P và anh T đều thỏa thuận tự nguyện ly hôn, nên công nhận thuận tình ly hôn cho các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/6/2014 và Nguyễn Minh A1, sinh ngày 28/8/2018, hiện đang do chị P nuôi dưỡng. Nguyện vọng của chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A, nhất trí giao cháu Minh A1 cho anh T nuôi dưỡng đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Nhưng anh T không đồng ý và yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện chị P và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo,

đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Quỳnh A muốn được ở với chị P. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu Quỳnh A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Minh A1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do chị P và anh T đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn. Tuy nhiên, các đương sự thống nhất để chị P nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị P và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/6/2014 cho chị Vũ Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Nguyễn Minh A1, sinh ngày 28/8/2018 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị P và anh Nguyễn Văn T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị P nhận chịu toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004608 ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị Vũ Thị P đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại chị Vũ Thị P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004608 ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị P và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà